

Số: 43/BC-TL

Quảng Trị, ngày 17 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

Công ty TNHH MTV QLKT Công trình Thủy lợi Quảng Trị là doanh nghiệp hoạt động công ích, do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được UBND tỉnh giao quản lý 02 đập dâng, 17 hồ chứa với tổng dung tích trên 200 triệu m³ nước; 29 trạm bơm có tổng công suất trên 1500 Kw/h; 10 cống, đập ngăn mặn; trên 677,5 km kênh mương. Tổng giá trị tài sản Công ty đang quản lý trên 2.280 tỷ đồng với nhiệm vụ chủ yếu là cung cấp nước tưới tiêu cho trên 32.700 ha/năm diện tích sản xuất nông nghiệp của 8 huyện thị, thành phố trong tỉnh; ngoài ra còn cấp nước phục vụ cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

Trước tình hình diễn biến thời tiết ngày càng bất lợi, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu. Để đảm bảo công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, hàng năm ngay từ đầu vụ Đông Xuân, Công ty đã chủ động lập Phương án chống hạn cho các hệ thống ngay từ đầu vụ; đưa ra các giải pháp tưới hỗ trợ; có kế hoạch giản lịch tưới để tiết kiệm nước, với mục tiêu dự trữ nước các hồ đủ tưới cho vụ Hè thu, vận động các HTX be bờ giữ nước tại ruộng ngay từ đầu vụ để gieo cấy hạn chế sử dụng nước hồ. Lập kế hoạch tưới cụ thể cho từng hồ đập, phân đầu phục vụ tối đa cho sản xuất nông nghiệp.

Năm 2024, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, trực tiếp là Sở NN&PTNT cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, đơn vị dùng nước trên địa bàn và sự đồng tâm hiệp lực của tập thể CBCNV-LĐ trong toàn đơn vị, bằng các biện pháp tưới tiêu khoa học hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. Công ty đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm bảo diện tích kế hoạch được giao. Trong năm 2024, Công ty đã đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Sản phẩm dịch vụ công ích	ha	32.772,4	32.891,3
b)	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	m ³	330.000	2.811.931

2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	38,93	45,57
	- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tỷ đồng	37,24	37,35
	- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Tỷ đồng	0,27	2,30
	- Hoạt động tài chính (lãi ngân hàng)	Tỷ đồng	0,50	1,28
	- QL, VH đập ngăn mặn Sông Hiếu	Tỷ đồng	0,90	0,95
	- Ngân sách cấp hỗ trợ	Tỷ đồng		3,69
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,071	0,304
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	32.772,4	32.891,3
8	Tổng số lao động (bao gồm VCQL)	Người	282	276
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	21,68	21,51
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,09	1,09
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	20,59	20,42

a) Tổng diện tích cung cấp tưới tiêu trong năm thực hiện là: 32.891,3ha/32.772,4ha đạt 100,36% kế hoạch.

Đây là nhiệm vụ chủ yếu và trọng tâm của doanh nghiệp nên Công ty đã tập trung chỉ đạo các đơn vị thành viên bám sát công trình, bám sát đồng ruộng để thực hiện nhiệm vụ.

Diện tích kế hoạch: 32.772,4ha (Theo QĐ số 130/QĐ-UBND ngày 19/01/2024)

Diện tích thực hiện: 32.891,3 ha

Như vậy Công ty đã cố gắng tưới đạt diện tích kế hoạch được giao.

b) Khối lượng cung cấp nước công nghiệp và sinh hoạt: Sản lượng cung cấp là 2.811.931m³/330.000m³ đạt 852% so với kế hoạch được duyệt.

c) Tổng doanh thu trong năm:

- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 37,24 tỷ/37,35 tỷ đạt 100,3% kế hoạch.

- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: 2,30 tỷ/0,27 tỷ đạt 425% kế hoạch.

- Hoạt động tài chính (lãi ngân hàng): 1,28tỷ/0,50tỷ đạt 256%.

- Kinh phí cấp quản lý vận hành đập ngăn mặn Sông Hiếu: 0,95/0,90 tỷ

- Ngân sách cấp hỗ trợ: 3,69 tỷ đồng

d) Lợi nhuận: Công ty là doanh nghiệp hoạt động công ích nên kế hoạch không giao chỉ tiêu lợi nhuận.

e) Nộp ngân sách trong năm thực hiện: 0,314 tỷ đồng.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty:

2.1. Thuận lợi:

Năm 2024 các hồ đập đều trữ nước đạt dung tích thiết kế, nên nguồn nước tưới

đảm bảo. Công tác tưới tiêu nhìn chung thuận lợi, không có xảy ra hạn hán xâm nhập mặn bất thường.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của đơn vị đi vào nền nếp, bảo đảm sự điều hành thống nhất, tập trung từ Công ty đến các Xí nghiệp thành viên và cụm tổ. Đội ngũ CBCNV-LĐ luôn có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tưới tiêu và công tác phòng chống thiên tai; luôn có tinh thần đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, không ngại khó khăn gian khổ nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2.2. Về khó khăn:

a) Về kinh phí cho hoạt động sản xuất:

Đây là khó khăn mà Công ty phải đối diện hàng năm. Nguồn kinh phí của Công ty được Nhà nước cấp hỗ trợ trên cơ sở diện tích tưới tiêu phục vụ. Từ năm 2013 đến nay định mức cấp hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của Nhà nước không thay đổi và diện tích tưới tiêu của Công ty tăng không đáng kể. Trong khi đó do biến động giá cả, tiền lương, vật tư nhiên liệu tiền điện bơm tưới hàng năm đều tăng. Nên nguồn thu không đủ để chi thường xuyên. Hằng năm, UBND tỉnh chỉ giao kế hoạch các khoản chi gói gọn trong tổng doanh thu của Công ty. Nên nhiều khoản chi bị cắt như kinh phí bảo trì, kinh phí tiền bơm điện, trực vận hành điều tiết...

Ngay từ đầu năm, Công ty được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, với tổng kế hoạch thu-chi là: 39.010,7 triệu đồng (Kế hoạch hàng năm của Công ty để đảm bảo hoạt động là 62 tỷ đồng). Do mức giá không đảm bảo nên một số khoản chi phí không đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, cụ thể:

- Chi khấu hao tài sản cố định cắt giảm hoàn toàn: Không có để cân đối (Thiếu 1,12 tỷ đồng).

- Chi quản lý doanh nghiệp: Thiếu 1,3 tỷ đồng so với Định mức kinh tế kỹ thuật được UBND tỉnh phê duyệt.

- Việc hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi, theo quy định tương ứng với 02 tháng lương cơ bản là 3,5 tỷ đồng. Do nguồn ngân sách khó khăn nên năm 2024 Công ty chỉ được hỗ trợ 1,0 tỷ đồng (đạt 30% nguồn kinh phí theo kế hoạch), nên chưa đáp ứng đầy đủ quyền lợi cho người lao động cũng như động viên khen thưởng trong lao động sản xuất và các hoạt động khác của đơn vị.

- Về Chi phí khác liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (*Cấm mốc chỉ giới bảo vệ; lập quy trình vận hành cho các hồ chứa; kiểm định an toàn đập; cấp phép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước; lập phương án bảo vệ môi trường; xây dựng khu lưu giữ, thực hiện quản lý chất thải.*): Cần tối thiểu là 11,22 tỷ/năm (Kế hoạch 5 năm) để đảm bảo cho đơn vị thực hiện; hoàn thiện các nội dung theo Nghị định 114/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa; hiện tại đã quá hạn phải thực hiện theo yêu cầu của tại văn bản số 5673/UBND-NN ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tổ chức triển khai thi hành hệ thống pháp luật về Thủy lợi.

b) Về công tác quản lý, vận hành an toàn hồ, đập:

Công ty hiện đang quản lý 19 hồ, đập (17 hồ chứa; 02 đập dâng). Thực hiện

Nghị định 114/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Văn bản số 5673/UBND-NN ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thi hành hệ thống pháp luật về Thủy lợi. Năm năm qua (từ 2019 đến nay) Công ty đã triển khai thực hiện 16 nội dung quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong điều kiện khó khăn về kinh phí; nguồn thu không đủ chi. Do đó, đối với những nội dung có thể thực hiện được như: Đăng ký tờ khai an toàn đập, hồ chứa nước; Lập quy trình bảo trì; Lập hồ sơ lưu trữ; Báo cáo hiện trạng công trình trước mùa mưa lũ; Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai hàng năm; Lập Phương án bảo vệ công trình, Công ty đã thực hiện theo quy định. Đối với 06 nội dung cần có kinh phí để thực hiện gồm: Lập, điều chỉnh bổ sung Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước; Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; Lập và thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa; Xây dựng bản đồ ngập lụt, hiện nay chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định. Hiện tại còn 05 hồ chứa được cắm mốc bảo vệ lòng hồ; 14 hồ, đập đã có quy trình vận hành điều tiết nhưng chưa được điều chỉnh, bổ sung theo quy định mới; 12 hồ, đập chưa có Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; 13 hồ, đập chưa có bản đồ ngập lụt; 14 hồ, đập chưa được lắp thiết bị quan trắc KTTV chuyên dùng; 18 hồ, đập chưa được kiểm định an toàn đập.

Bên cạnh đó các hạng mục của một số hồ đập bị xuống cấp hư hỏng như: Thẩm qua đập Phú Dụng; hư hỏng các khớp nối thân công Đá Mài, Tân Kim, Nghĩa Hy, Ái Tử, Bảo Đài; thẩm qua tràn Nghĩa Hy; các cửa tràn xả lũ Trúc Kinh, Ái Tử, Khe Mây bị gỉ sét, mài mòn...vv, cần phải sửa chữa để đảm bảo an toàn công trình trước mùa mưa lũ, nhưng hiện nay chưa có kinh phí để thực hiện.

c) Về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình thủy lợi:

Từ khi có Luật Thủy lợi và hệ thống văn bản dưới Luật, đặc biệt là khi có Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều. Người dân đã ý thức hơn trong việc bảo vệ công trình thủy lợi, tình hình vi phạm và số vụ vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đã giảm hơn so với trước đây. Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều nơi tình trạng lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình để xây dựng công trình, xả rác thải sinh hoạt vẫn còn xảy ra. Mặt khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; đặc biệt là các công trình đầu mối hồ, đập, kênh mương trước đây khi xây dựng xong do chưa được cắm mốc nên việc xác định ranh giới bảo vệ công trình ngoài thực tế gặp khó khăn, chưa phân định rõ ranh giới bảo vệ công trình, dẫn đến một số nơi sau khi người dân trồng cây (keo, tràm, cao su...) xây dựng nhà ở và được cấp quyền sử dụng đất. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình khó kiểm soát. Nhiều hoạt động vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình, Công ty đã vận động giải tỏa; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý nhưng kết quả mới chỉ dừng lại ở bước lập Biên bản. Cụ thể qua tổng hợp số liệu vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đến thời điểm hiện tại có: 633 vụ. Trong đó, đã vận động giải tỏa hoàn toàn 73 vụ. Hiện nay còn tồn đọng 560 vụ.

d) Công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp sửa chữa công trình:

Đối với công tác sửa chữa thường xuyên (SCTX): Theo định mức KTKT kinh

phí bảo trì của Công ty hàng năm là: 0,35% nguyên giá tài sản Công ty quản lý ($0,35\% \times 1.690 \text{ tỷ} = 5,92 \text{ tỷ đồng}$). Tuy nhiên hàng năm chỉ được bố trí từ 3,0 tỷ - 4,4 tỷ đồng đạt từ 0,18% đến 0,27% nguyên giá tài sản cố định Công ty quản lý. Do đó việc SCTX những năm qua chủ yếu chỉ thực hiện: nạo vét bồi lấp, vệ sinh cát cỏ lòng kênh và bôi dầu mỡ bảo dưỡng thiết bị công trình, máy móc và thiết bị trạm bơm để phục vụ tưới; đối với các hồ đập chủ yếu chỉ thực hiện phát quang, nạo vét rãnh thoát nước, sơn chống rỉ các cửa tràn, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị vận hành tràn và công lấy nước.

Hiện nay có một số hồ đập do Công ty quản lý đã xuất hiện, hiện tượng thấm qua thân đập như hồ Triệu Thượng 1, 2, Nghĩa Hy, Tân Kim, Phú Dụng, Bàu Nhum. Ngoài ra, phần thủy công, cơ khí của các hạng mục công lấy nước, tràn xả lũ hầu hết được xây dựng từ những năm 80 của thế kỷ trước, nên phần lớn bị xuống cấp, han rỉ làm giảm khả năng chịu lực xảy ra ở các công trình: cửa tràn Trúc Kinh, Ái Tử, Khe Mây, Nghĩa Hy; cửa cống Nam Thạch Hãn, Đá Mài, Tân kim, Bảo Đài. Tuy nhiên do chưa có kinh phí nên chưa được sửa chữa nâng cấp.

Hệ thống kênh và công trình trên kênh tuy đã được kiên cố hóa, nhưng qua hơn 15 năm khai thác sử dụng, dưới tác động của thời tiết mưa lũ hàng năm đến nay nhiều công trình đã xuống cấp, hư hỏng chưa được khắc phục. Dẫn đến năng lực dẫn nước của kênh mương kém, tổn thất nước trên kênh lớn. Những năm xảy ra hạn hán, nắng nóng kéo dài việc cấp nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất, hàng năm Công ty phải tổ chức thực hiện duy tu, sửa chữa và khắc phục một số công trình hư hỏng xuống cấp. Kinh phí để thanh toán cho các công việc trên phải trông chờ vào các nguồn hỗ trợ chống hạn, lụt bão từ Trung ương; thời gian kéo dài có khi qua đến năm sau mới được bố trí vốn; nên thủ tục hồ sơ nghiệm thu thanh toán gặp nhiều khó khăn; chưa có quy định hướng dẫn cụ thể để cho đơn vị chủ động thực hiện, ảnh hưởng lớn đến việc điều hành, hoạt động quản lý của đơn vị.

e) Công tác lập hồ sơ xin cấp Giấy khai thác sử dụng tài nguyên nước:

Hiện tại các công trình thủy lợi do Công ty quản lý thuộc đối tượng phải có giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 Gồm có 30 công trình, trong đó: 16 hồ chứa nước; 02 đập dâng; 07 cống, đập ngăn mặn, giữ ngọt; 05 trạm bơm. (Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Các công trình thủy lợi do Công ty quản lý thuộc đối tượng phải đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 Gồm có 23 công trình, trong đó: 01 hồ chứa nước; 01 cống, đập ngăn mặn, giữ ngọt; 21 trạm bơm. (Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

f) Về giao đất cho đơn vị quản lý

Công ty đang quản lý có 67 hạng mục công trình chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (gồm: Nhà quản lý, trạm bơm). Công ty đã lập dự toán kinh phí thực hiện với tổng kinh phí là 190.677.000 đồng: Chưa có kinh phí để thực hiện.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: Không

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị./. *Đu*

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu VT, KT.

Nm

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Trường



Phụ lục

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÓ GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 54/2024/NĐ-CP NGÀY 16/5/2024

(Kèm theo Báo cáo số 43/BC-TL ngày 17/3/2025 của Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị)

I. CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA, ĐẬP DÂNG

TT	Công trình	Q_{tk} (m^3/s)	Dung tích ($10^6 m^3$)	Kê khai, đăng ký, cấp phép tài nguyên nước	Thẩm quyền cấp phép
1	Đập Nam Thạch Hãn	28,60	8,10	Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Hồ Trúc Kinh	4,30	39,00	Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Hồ Kinh Môn	2,48	15,90	Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	Hồ La Ngà	3,52	34,00	Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Hồ Bảo Đài	2,60	25,50	Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Hồ Triệu Thượng 1	0,33	4,40	Cấp phép	UBND tỉnh
7	Hồ Triệu Thượng 2	0,28	4,30	Cấp phép	UBND tỉnh
8	Hồ Trung Chỉ	0,21	2,00	Cấp phép	UBND tỉnh
9	Hồ Khe Mây	0,32	1,90	Cấp phép	UBND tỉnh
10	Hồ Nghĩa Hy	0,59	3,50	Cấp phép	UBND tỉnh
11	Hồ Đá Mài	0,92	8,30	Cấp phép	UBND tỉnh
12	Hồ Tân Kim	0,65	6,20	Cấp phép	UBND tỉnh
13	Hồ Bản Chùa	0,05	0,37	Cấp phép	UBND tỉnh
14	Hồ Phú Dụng	0,07	0,50	Cấp phép	UBND tỉnh
15	Hồ Hà Thượng	1,00	14,70	Cấp phép	UBND tỉnh
16	Đập Sa Lung	1,06		Cấp phép	UBND tỉnh
17	Hồ Bàu Nhum	0,95	6,80	Cấp phép	UBND tỉnh
18	Hồ Ái tử	1,90	15,30	Cấp phép	UBND tỉnh
19	Hồ Rú Lịnh	0,20	0,20	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT

II. CÔNG TRÌNH TRẠM BƠM

1	Trạm bơm Hiền Lương	0,8	Cấp phép	UBND tỉnh
2	Trạm bơm Vĩnh Phước	0,8	Cấp phép	UBND tỉnh
3	Trạm bơm Cam Lộ	1,63	Cấp phép	UBND tỉnh
4	Trạm bơm Cao Xá	0,78	Cấp phép	UBND tỉnh
5	Trạm bơm Sa Lung	0,81	Cấp phép	UBND tỉnh
6	Trạm bơm N4-18	0,33	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
7	Trạm bơm Quảng Điền	0,4	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
8	Trạm bơm Phước Lễ	0,4	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
9	Trạm bơm Bắc Phước	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
10	Trạm bơm Ái Tử	0,19	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
11	Trạm bơm Đông Giang	0,19	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
12	Trạm bơm Hiếu Bắc	0,27	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
13	Trạm bơm Gio Quang	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
14	Trạm bơm Mai Hà	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
15	Trạm bơm Tân Minh	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
16	Trạm bơm Bến Ngự	0,4	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
17	Trạm bơm Nhĩ Hạ	0,4	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
18	Trạm bơm Thủy Khê	0,4	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
19	Trạm bơm Kinh Môn	0,39	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
20	Trạm bơm Xuân Long	0,4	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
21	Trạm bơm Tiên Lai	0,19	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
22	Trạm bơm Tân Mỹ	0,33	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
23	Trạm bơm Phan Hiền 1 (N2-1)	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
24	Trạm bơm Phan Hiền 2 (N2-3)	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
25	Trạm bơm N2-5	0,16	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT

26	Trạm bơm Mò Ó	0,39	Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
27	Trạm bơm Bình An	0,08	Không đăng ký	

III. CÔNG TRÌNH CỐNG ĐẬP NGẮN MẠN

T T	Công trình	Chiều dài ngăn sông suối (m)	Chiều rộng thông nước (m)	Kê khai, đăng ký, cấp phép tài nguyên nước	Thẩm quyền cấp phép
1	Đập Triệu Giang	27,5		Đăng ký	UBND tỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền Sở NN&MT
2	Đập Vĩnh Phước	92,5		Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Đập Sông Hiếu	93		Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	Đập Châu Thị			Cấp phép	UBND tỉnh
	- Phần đập	40			
	- Phần cống		14		
5	Cống Việt Yên		65	Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Cống Bến Tám		15	Cấp phép	UBND tỉnh
7	Đập, cống Xuân Hòa			Cấp phép	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
	- Phần đập	66,5			
	- Phần cống		10		
8	Đập, cống Mai Xá			Cấp phép	UBND tỉnh
	- Phần đập	47,8			
	- Phần cống		4,5		